

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Lầu 5, 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Chaipatr Srivisarvacha	Chủ tịch
Ông Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Trương Gia Bảo	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên
Bà Kittivalai Charoensombut-Amorn	Thành viên
Bà Duangrat Watanapongchat	Thành viên
Ông Suk Min Suk	Thành viên

##### Tổng Giám đốc

Ông Trương Gia Bảo	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

##### Ban Kiểm Soát

Bà Nguyễn Minh Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kiều Yến	Thành viên
Ông Somporn Sasiroj	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2016)
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2016)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
THÀNH CÔNG  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Trương Gia Bảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Số: /VNIA-HC- BC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

- a. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, Công ty đã lựa chọn áp dụng sớm nguyên tắc giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo hướng dẫn của Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán cho công ty chứng khoán trước khi Luật kế toán số 88/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực cho phép thực hiện nguyên tắc này. Nếu Công ty không áp dụng sớm nguyên tắc giá trị hợp lý, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ sẽ giảm 241.722.879 đồng và lỗ chưa phân phối trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ sẽ tăng tương ứng là 241.722.879 đồng.
- b. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 210 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm đảm bảo tính so sánh được với số liệu của kỳ này.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Võ Thái Hòa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

*Ngày 15 tháng 8 năm 2016*

*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01g-CTCK**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		5.407.114.083	1.809.389.724
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	18.1	1.571.349.657	1.438.382.524
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	18.2	3.082.269.426	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		753.495.000	371.007.200
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02		3.356.874.858	6.995.722.119
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	18.3	13.941.943.470	4.337.922.052
1.4. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		3.641.704.110	1.003.580.039
1.5. Doanh thu lưu ký chứng khoán	10		58.121.051	64.603.688
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		28.589.156	19.541.089
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20=1+2+3+6+10+11)</b>	<b>20</b>		<b>26.434.346.728</b>	<b>14.230.758.711</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính FVTPL	21		4.870.479.015	997.394.727
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	18.1	1.169.772.139	952.681.996
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	18.2	3.700.706.876	44.712.731
2.2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	23		292.109.813	66.471.473
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		35.083.131	36.133.945
2.4. Chi phí môi giới chứng khoán	27		4.971.905.087	3.771.632.557
<b>Cộng chi phí hoạt động (40=21+23+26+27)</b>	<b>40</b>		<b>10.169.577.046</b>	<b>4.871.632.702</b>

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01g-CTCK**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Lãi tiền gửi không có định phát sinh trong kỳ	42		47.823.761	45.488.983
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42)</b>	<b>50</b>		<b>47.823.761</b>	<b>45.488.983</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	51		3.952.800	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60=51)</b>	<b>60</b>		<b>3.952.800</b>	-
<b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>19</b>	<b>5.727.403.640</b>	<b>5.458.212.110</b>
<b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-60-62)</b>	<b>70</b>		<b>10.581.237.003</b>	<b>3.946.402.882</b>
<b>VII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>90</b>		<b>10.581.237.003</b>	<b>3.946.402.882</b>
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		11.199.674.453	3.991.115.613
7.2. Lỗ chưa thực hiện	92		(618.437.450)	(44.712.731)
<b>VIII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>	<b>100</b>	<b>20</b>	<b>1.988.723.979</b>	-
8.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1		1.988.723.979	-
<b>IX. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (200=90-100)</b>	<b>200</b>		<b>8.592.513.024</b>	<b>3.946.402.882</b>
<b>X. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ</b>	<b>500</b>			
10.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501	22	239	110



**Trương Gia Bảo**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

**Trần Thị Thúy Lan**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02g-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)</b>	<b>100</b>		<b>342.429.889.782</b>	<b>299.363.249.432</b>
<b>I. Tài sản tài chính (110=111+112+113+114+117+119+122+129)</b>	<b>110</b>		<b>341.955.709.927</b>	<b>298.861.065.650</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	79.328.174.705	80.394.295.628
1.1. Tiền	111.1		1.468.174.705	1.044.295.628
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		77.860.000.000	79.350.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	24.764.670.899	25.767.830.831
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	53.500.000.000	22.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7.3	155.284.975.679	158.960.974.667
5. Các khoản phải thu	117	7.3	4.811.895.446	3.805.761.145
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		832.900.000	-
5.2. Phải thu và dự thu tiền lãi, cổ tức các tài sản tài chính	117.2		3.978.995.446	3.805.761.145
5.2.1. Phải thu tiền lãi, cổ tức đến ngày nhận	117.3		2.476.829.336	1.941.731.145
5.2.2. Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.502.166.110	1.864.030.000
6. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119	8	22.265.993.198	5.932.203.379
7. Các khoản phải thu khác	122	9	4.000.000.000	4.000.000.000
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác (130=131+133+135)</b>	<b>130</b>		<b>474.179.855</b>	<b>502.183.782</b>
1. Tạm ứng	131		16.532.000	1.000.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		301.037.855	283.673.782
3. Tài sản ngắn hạn khác	135		156.610.000	217.510.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250)</b>	<b>200</b>		<b>28.381.473.950</b>	<b>46.064.750.195</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.000.000.000</b>	<b>38.100.000.000</b>
1. Các khoản đầu tư	212		22.000.000.000	38.100.000.000
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	212.1	7.2	22.000.000.000	38.100.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.654.503.687</b>	<b>3.762.714.313</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	578.472.128	945.837.577
- Nguyên giá	222		15.686.366.962	15.576.724.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(15.107.894.834)	(14.630.886.885)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.076.031.559	2.816.876.736
- Nguyên giá	228		17.512.166.894	17.309.166.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(15.436.135.335)	(14.492.290.158)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>3.726.970.263</b>	<b>4.202.035.882</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		217.000.000	217.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12	2.840.887.878	3.505.779.954
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	669.082.385	479.255.928
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>370.811.363.732</b>	<b>345.427.999.627</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02g-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>24.682.510.305</b>	<b>7.891.659.224</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.682.510.305</b>	<b>7.891.659.224</b>
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	14	22.347.296.366	6.220.851.539
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	82.987.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	1.227.637.974	448.790.235
4. Phải trả người lao động	323		290.850.000	321.905.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	816.725.965	817.125.250
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>346.128.853.427</b>	<b>337.536.340.403</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>346.128.853.427</b>	<b>337.536.340.403</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	360.000.000.000	360.000.000.000
2. Lỗ chưa phân phối	417		(13.871.146.573)	(22.463.659.597)
2.1. Lỗ đã thực hiện	417.1		(13.252.709.123)	(21.309.827.473)
2.2. Lỗ chưa thực hiện	417.2		(618.437.450)	(1.153.832.124)
<b>TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			<b>346.128.853.427</b>	<b>337.536.340.403</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ</b>	<b>440</b>		<b>370.811.363.732</b>	<b>345.427.999.627</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Mã số	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
<i>Số lượng chứng khoán</i>			
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK	008	751.401	1.382.931
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>	<i>751.401</i>	<i>1.382.931</i>
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	1.000	1.000
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>009.1</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
3. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	-	11.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013	1.573.978	620.877
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
<i>Số lượng chứng khoán</i>			
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	66.368.582	61.795.695
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>31.265.666</i>	<i>26.878.333</i>
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>784.313</i>	<i>-</i>
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>34.318.603</i>	<i>34.917.362</i>
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	191.863	226.583
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>191.863</i>	<i>226.583</i>
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	1.477.210	386.140
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	124.235.180	32.257.900

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02g-CTCK**  
Đơn vị: VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**CHỈ TIÊU**

	<b>Mã</b>	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)</b>			
<b>Đồng Việt Nam</b>			
1. Tiền gửi của khách hàng	026	9,170,314,960	16,057,146,422
1.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027	9,169,006,448	16,051,580,959
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027.1	9,076,427,448	16,051,580,959
b. Tiền của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	027.2	92,579,000	-
1.2. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	029	1,308,512	5,565,463
2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030	9,076,427,448	16,051,580,959
2.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1	9,076,382,788	16,051,555,299
2.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.2	44,660	25,660
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031	92,579,000	-
3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031.1	92,579,000	-
4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	1,308,512	5,565,463



**Trương Gia Bảo**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

**Trần Thị Thúy Lan**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-CTCK**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>10,581,237,003</b>	<b>3,946,402,882</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>	<b>565,815,734</b>	<b>(4,075,373,466)</b>
- Khấu hao	03	1,420,853,126	1,485,046,212
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06	647,128,718	416,595,322
- Dự thu tiền lãi	08	(1,502,166,110)	(5,977,015,000)
<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>3,700,706,876</b>	<b>44,712,731</b>
- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua	11	3,700,706,876	44,712,731
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>20</b>	<b>(3,082,269,426)</b>	<b>-</b>
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua	21	(3,082,269,426)	-
<b>5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động</b>	<b>30</b>	<b>(11,483,736,987)</b>	<b>(58,874,122,849)</b>
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	31	384,722,482	9,380,140,472
- Thay đổi các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(15,400,000,000)	(28,705,000,000)
- Thay đổi các khoản cho vay	33	3,675,998,988	(39,467,983,029)
- Thay đổi các tài sản khác	35	(144,458,457)	(81,280,292)
<b>6. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi</b>	<b>42</b>	<b>281,753,200</b>	<b>(58,958,380,702)</b>
- Tăng phải thu bán các tài sản tài chính	43	(832,900,000)	-
- Giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính	44	1,328,931,809	5,208,375,360
- Tăng các khoản phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	45	(16,333,789,819)	(30,654,884,138)
- Giảm phải trả cho người bán	48	(82,987,200)	-
- Tăng phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	49	16,126,444,827	46,061,022,683
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50	60,083,417	35,932,601
- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	51	(31,055,000)	49,954,477
- Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty chứng khoán đã nộp	52	(1,269,959,657)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>(753,478,423)</b>	<b>(38,257,979,719)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(312,642,500)	(67,072,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(312,642,500)</b>	<b>(67,072,000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay gốc	73	193,070,349,471	81,064,507,604
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(193,070,349,471)	(48,494,394,141)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>-</b>	<b>32,570,113,463</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>	<b>(1,066,120,923)</b>	<b>(5,754,938,256)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>	<b>80,394,295,628</b>	<b>55,648,123,960</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102	1,044,295,628	2,603,123,960
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	102.1	1,044,295,628	2,603,123,960
Các khoản tương đương tiền	102.2	79,350,000,000	53,045,000,000
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>	<b>79,328,174,705</b>	<b>49,893,185,704</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104	1,468,174,705	543,185,704
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	104.1	1,468,174,705	543,185,704
Các khoản tương đương tiền	104.2	77,860,000,000	49,350,000,000

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03g-CTCK**  
Đơn vị: VND

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	1,094,556,534,700	280,620,179,400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(910,132,082,000)	(279,713,380,500)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của	09	(173,433,088,445)	3,870,557,034
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng, phí khác	11	(17,873,938,766)	(5,385,116,998)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	93,907,981,027	45,684,388,708
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(93,912,237,978)	(45,670,535,321)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>	<b>(6,886,831,462)</b>	<b>(593,907,677)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>16,057,146,422</b>	<b>5,419,644,768</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31	16,057,146,422	5,419,644,768
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32	16,051,580,959	5,418,532,967
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	36	5,565,463	1,111,801
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)</b>	<b>40</b>	<b>9,170,314,960</b>	<b>4,825,737,091</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	9,170,314,960	4,825,737,091
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42	9,076,427,448	4,810,771,903
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	43	92,579,000	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	46	1,308,512	14,965,188



**Trương Gia Bảo**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

**Trần Thị Thúy Lan**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 04g-CTCK**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360,000,000,000	-	-	360,000,000,000
2. Lỗ chưa phân phối	(22,463,659,597)	-	8,592,513,024	(13,871,146,573)
2.1. Lỗ đã thực hiện	(21,309,827,473)	-	8,057,118,350	(13,252,709,123)
2.2. Lỗ chưa thực hiện	(1,153,832,124)	-	535,394,674	(618,437,450)
	<b>337,536,340,403</b>	-	<b>8,592,513,024</b>	<b>346,128,853,427</b>


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 04g-CTCK**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360,000,000,000	-	-	360,000,000,000
2. Lỗ chưa phân phối	(33,018,444,148)	-	3,946,402,882	(29,072,041,266)
2.1. Lỗ đã thực hiện	(32,932,304,082)	-	3,904,975,547	(29,027,328,535)
2.2. Lỗ chưa thực hiện	(86,140,066)	-	41,427,335	(44,712,731)
	<b>326,981,555,852</b>	-	<b>3,946,402,882</b>	<b>330,927,958,734</b>



Trương Gia Bảo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

  
Trần Thị Thúy Lan  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 22 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 24 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán**

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 và các sửa đổi bổ sung:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
- đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- e) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán cho công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 210 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm đảm bảo tính so sánh được với số liệu của kỳ này, việc phân loại lại này được trình bày tại Thuyết minh số 25.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 210, về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

Công ty đã lựa chọn áp dụng sớm nguyên tắc giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo hướng dẫn của Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán cho công ty chứng khoán trước khi Luật kế toán số 88/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực cho phép thực hiện nguyên tắc này. Nếu Công ty không áp dụng sớm nguyên tắc giá trị hợp lý, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ sẽ giảm 241.722.879 đồng và lỗ chưa phân phối trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ sẽ tăng tương ứng là 241.722.879 đồng.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 210 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm đảm bảo tính so sánh được với số liệu của kỳ này.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tăng hoặc giảm phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

**Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Năm 2016, Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nhưng Công ty đã chọn lựa thực hiện sớm nguyên tắc này.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ theo 02 chỉ tiêu:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại được phản ánh vào chỉ tiêu “Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”, chi tiết “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại được phản ánh vào chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”, chi tiết “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

**Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay**

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của Công ty do khách hàng không thực hiện được hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay, thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của Công ty.

Đối với hợp đồng cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo là cổ phiếu của khách hàng với giá trị lớn hơn giá trị cho vay tại ngày lập báo cáo. Công ty theo dõi liên tục giá trị của các cổ phiếu này dựa vào giá đóng cửa hàng ngày tại các Sở giao dịch chứng khoán, nếu giá trị thuần của cổ phiếu thấp hơn giá trị và lãi cho vay, Công ty sẽ yêu cầu khách hàng nộp bổ sung tiền hoặc cổ phiếu vào tài khoản, nếu không Công ty có quyền bán cổ phiếu để bù đắp khoản cho vay. Vì thế nghiệp vụ này không có rủi ro đáng kể đối với Công ty và không cần trích lập dự phòng.

Đối với hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán, Công ty thỏa thuận với khách hàng có quyền tự động thu tiền trong tài khoản khách hàng khi nhận được tiền bán chứng khoán để thu khoản ứng trước và lãi tương ứng. Vì vậy Công ty không có rủi ro trong nghiệp vụ này và không cần trích lập dự phòng.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến tám năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các thiết bị bảo mật và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

*Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên cơ sở dồn tích).

*Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

*Lãi từ các khoản cho vay và phải thu*

Là doanh thu lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

*Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi thực thu.

*Hoạt động tư vấn*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Hoạt động lưu ký chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi thực thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Doanh thu khác**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi tại Quỹ hỗ trợ thanh toán được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi phát sinh.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Các quỹ**

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không thực hiện tiến hành trích lập các quỹ nêu trên do lợi nhuận chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt tại quỹ	52,653,091	12,078,933
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	1,415,521,614	1,011,285,773
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	20,930,922
Các khoản tương đương tiền (*)	77,860,000,000	79,350,000,000
	<b><u>79,328,174,705</u></b>	<b><u>80,394,295,628</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 5,50%/năm (năm 2015: 4,86%/năm).

Trong giá trị các khoản tương đương tiền này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có số tiền là 6.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đang được phong tỏa để đảm bảo cho hạn mức thấu chi Ngân hàng cấp cho Công ty theo Hợp đồng số 02/2016/2117794/HĐTC ngày 14 tháng 3 năm 2016 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 13 tháng 6 năm 2016.

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Của công ty chứng khoán</b>	<b>2.838.950</b>	<b>73.680.732.000</b>
Cổ phiếu	2.838.950	73.680.732.000
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>172.649.802</b>	<b>2.211.981.876.700</b>
Cổ phiếu	172.649.802	2.211.981.876.700
	<b><u>175.488.752</u></b>	<b><u>2.285.662.608.700</u></b>

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu niêm yết	26,623,423,111	24,764,670,899	27,008,145,593	25,767,830,831
Cổ phiếu hủy niêm yết	10,700,000	-	10,700,000	-
	<b><u>26,634,123,111</u></b>	<b><u>24,764,670,899</u></b>	<b><u>27,018,845,593</u></b>	<b><u>25,767,830,831</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi kỳ hạn dưới một năm (*)	53,500,000,000	53,500,000,000	22,000,000,000	22,000,000,000
Tiền gửi kỳ hạn trên một năm (**)	22,000,000,000	22,000,000,000	38,100,000,000	38,100,000,000
	<b>75,500,000,000</b>	<b>75,500,000,000</b>	<b>60,100,000,000</b>	<b>60,100,000,000</b>

(\*) Tiền gửi kỳ hạn dưới một năm thể hiện các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng ngắn hạn có kỳ hạn từ trên ba tháng đến dưới một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 7,50%/năm (năm 2015: 10,50%/năm).

Trong giá trị các khoản tiền gửi dưới một năm này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có số tiền là 31.500.000.000 đồng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đang được phong tỏa để đảm bảo cho hạn mức thấu chi Ngân hàng cấp cho Công ty theo Hợp đồng số 02/2016/2117794/HĐTC ngày 14 tháng 3 năm 2016 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 13 tháng 6 năm 2016.

(\*\*) Tiền gửi kỳ hạn trên một năm thể hiện các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng dài hạn có kỳ hạn trên một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 13,00%/năm (năm 2015: 9,65%/năm).

**7.3 Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản cho vay</b>	<b>155,284,975,679</b>	<b>155,284,975,679</b>	<b>158,960,974,667</b>	<b>158,960,974,667</b>
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	144,417,962,575 10,867,013,104	144,417,962,575 10,867,013,104	140,854,859,218 18,106,115,449	140,854,859,218 18,106,115,449
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>4,811,895,446</b>	<b>4,811,895,446</b>	<b>3,805,761,145</b>	<b>3,805,761,145</b>
Phải thu bán cổ phiếu niêm yết	832,900,000 -	832,900,000 -	- 4,000	- 4,000
Phải thu lãi giao dịch ký quỹ	2,476,829,336	2,476,829,336	1,941,727,145	1,941,727,145
Dự thu lãi tiền gửi giữ đến ngày đáo hạn	1,502,166,110	1,502,166,110	1,864,030,000	1,864,030,000
	<b>160,096,871,125</b>	<b>160,096,871,125</b>	<b>162,766,735,812</b>	<b>162,766,735,812</b>

**7.4 Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối kỳ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá		Đơn vị: VND Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
				I	FVTPL	
1	Cổ phiếu niêm yết	26,623,423,111	24,764,670,899	-	1,858,752,212	24,764,670,899
2	Cổ phiếu hủy niêm yết	10,700,000	-	-	10,700,000	-
II	HTM	75,500,000,000	75,500,000,000	-	-	75,500,000,000
III	Các khoản cho vay và phải thu	160,096,871,125	160,096,871,125	-	-	160,096,871,125
		<b>262,230,994,236</b>	<b>260,361,542,024</b>	<b>-</b>	<b>1,869,452,212</b>	<b>260,361,542,024</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị: VND

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I	FVTPL	27,018,845,593	25,767,830,831	-	1,251,014,762	25,767,830,831
1	Cổ phiếu niêm yết	27,008,145,593	25,767,830,831	-	1,240,314,762	25,767,830,831
2	Cổ phiếu hủy niêm yết	10,700,000	-	-	10,700,000	-
II	HTM	60,100,000,000	60,100,000,000	-	-	60,100,000,000
III	Các khoản cho vay và phải thu	162,766,735,812	162,766,735,812	-	-	162,766,735,812
		<b>249,885,581,405</b>	<b>248,634,566,643</b>	<b>-</b>	<b>1,251,014,762</b>	<b>248,634,566,643</b>

Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán tại các Sở giao dịch Chứng khoán.

**8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu giá trị mua chứng khoán của Nhà đầu tư	22.130.742.000	5.853.144.000
Phải thu hoa hồng môi giới chứng khoán	83.582.662	45.691.705
Phải thu thuế Thu nhập cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của Nhà đầu tư	32.027.382	23.735.544
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	19.641.154	9.632.130
	<b>22.265.993.198</b>	<b>5.932.203.379</b>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Đây là phải thu khác từ Ông Đoàn Quang Sang - cổ đông của Công ty, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung. Trước đó, Ông Nguyễn Thành Chung nộp tiền góp vốn mua cổ phần vào Công ty nhưng đứng dưới tên cổ đông sáng lập Ông Đoàn Quang Sang. Sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập, Ông Chung đề nghị Ông Sang chuyển trả 400.000 cổ phần (tương đương 4.000.000.000 đồng mệnh giá) cho Ông Chung, nhưng Ông Sang từ chối vì cho rằng Ông Chung còn nợ Ông Sang một số tiền. Ông Sang sau đó đã dùng 200.000 cổ phần trong tổng số 400.000 cổ phần đứng tên giúp Ông Chung để cân trừ số tiền mà Ông Chung nợ Ông Sang. Không nhận được cổ phiếu, Ông Chung đã khởi kiện Công ty để đòi lại 4.000.000.000 đồng đã nộp mua cổ phần và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của Ông Chung. Công ty đã trả cho Ông Nguyễn Thành Chung giá trị của khoản vốn góp 4.000.000.000 đồng theo bản án phúc thẩm số 10/2012/KDTM-PT vào ngày 12 tháng 10 năm 2012. Sau đó, Công ty đã làm việc trực tiếp với Ông Sang và đã đạt được thỏa thuận với Ông Đoàn Quang Sang là người có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền 4.000.000.000 đồng mà Công ty đã trả cho Ông Chung như đề cập trên đây. Ông Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 đồng) hiện ông Sang đang đứng tên cho Ông Trương Gia Bảo - Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật của Công ty. Tiếp đó, ngày 08 tháng 8 năm 2013, Công ty và Ông Sang đã đạt được thống nhất bằng văn bản về hướng xử lý liên quan việc hoàn trả toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng).

Tuy vậy, sau gần một năm nhưng Ông Sang vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận với Công ty. Do đó, ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã tiến hành nộp đơn khởi kiện Ông Sang ra Tòa án có thẩm quyền để thu hồi toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng). Ngày 10 tháng 7 năm 2014, vụ án đã được thụ lý và được chuyển lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thủ tục tố tụng. Tiếp theo, ngày 25 tháng 10 năm 2014, Tòa án đã có thông báo triệu tập lần thứ nhất để tiến trình giải quyết vụ kiện. Qua nhiều lần tiến hành hòa giải trong năm 2015 nhưng không thành công, dự kiến Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử trong năm 2016. Hiện nay, Công ty vẫn đang đôn đốc Tòa án để xử lý vụ kiện này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, do Công ty vẫn chưa thu hồi được 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng), Công ty đã trích lập 100% giá trị khoản phải thu của 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng). Số dự phòng này không có thay đổi đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	14.163.025.687	856.829.546	556.869.229	15.576.724.462
Tăng trong kỳ	109.642.500	-	-	109.642.500
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>14.272.668.187</b>	<b>856.829.546</b>	<b>556.869.229</b>	<b>15.686.366.962</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	(13.368.432.061)	(785.717.342)	(476.737.482)	(14.630.886.885)
Khấu hao trong kỳ	(413.241.103)	(42.841.476)	(20.925.370)	(477.007.949)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>(13.781.673.164)</b>	<b>(828.558.818)</b>	<b>(497.662.852)</b>	<b>(15.107.894.834)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>490.995.023</b>	<b>28.270.728</b>	<b>59.206.377</b>	<b>578.472.128</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>794.593.626</b>	<b>71.112.204</b>	<b>80.131.747</b>	<b>945.837.577</b>

Tổng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.405.044.491 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 7.054.935.764 đồng).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	17,309,166,894
Tăng trong kỳ	203,000,000
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>17,512,166,894</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	(14,492,290,158)
Khấu hao trong kỳ	(943,845,177)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>(15,436,135,335)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>2,076,031,559</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2,816,876,736</b>

Tổng nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.877.449.102 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.160.713.000 đồng).

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Thiết bị bảo mật, công cụ dụng cụ và vật dụng văn phòng	1,153,447,523	1,388,864,763
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	1,687,440,355	2,116,915,191
	<b>2,840,887,878</b>	<b>3,505,779,954</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	403.441.984	241.504.683
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	145.640.401	117.751.245
	<b><u>669.082.385</u></b>	<b><u>479.255.928</u></b>

**14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán thể hiện khoản phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về nghiệp vụ mua chứng khoán và các loại phí khác như phí giao dịch, phí lưu ký và phí chuyển khoản.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	922.723.979	203.959.657
Thuế thu nhập cá nhân	304.913.995	244.414.214
Các loại thuế khác	-	416.364
	<b><u>1.227.637.974</u></b>	<b><u>448.790.235</u></b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	3.754.893	-
Chi phí tư vấn pháp luật	-	27.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	578.640.850	178.730.000
Phí dịch vụ quản lý khác	234.330.222	610.895.250
	<b><u>816.725.965</u></b>	<b><u>817.125.250</u></b>

**17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/6/2016	31/12/2015
<b>Được phép phát hành và đã góp vốn đủ</b>		
Số lượng (cổ phần)	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
<b>Giá trị (VND)</b>	<b><u>360.000.000.000</u></b>	<b><u>360.000.000.000</u></b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

Danh sách các cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	đăng ký kinh doanh		30/6/2016	31/12/2015
	VND	%	VND	VND
Seamico Securities PLC	-	-	67,965,000,000	67,965,000,000
Công ty Cổ phần Dệt may	35,000,000,000	9.72	89,117,000,000	89,117,000,000
Đầu tư Thương mại Thành				
Công ty 4 Oranges Co., Ltd.	-	-	49,530,000,000	49,530,000,000
Công ty TNHH E.Land Việt	-	-	20,740,000,000	20,740,000,000
Các cổ đông khác	325,000,000,000	90.28	132,648,000,000	132,648,000,000
	<b>360,000,000,000</b>	<b>100</b>	<b>360,000,000,000</b>	<b>360,000,000,000</b>

**18. THU NHẬP**

**18.1 Lãi/lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
	<b>Lãi bán</b>					
1	Cổ phiếu niêm yết	750,000	17,667,345,000	16,095,995,343	1,571,349,657	1,438,382,524
	<b>Lỗ bán</b>					
1	Cổ phiếu niêm yết	1,062,440	19,566,171,000	20,735,943,139	(1,169,772,139)	(952,681,996)
		<b>1,812,440</b>	<b>37,233,516,000</b>	<b>36,831,938,482</b>	<b>401,577,518</b>	<b>485,700,528</b>

**18.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
<b>I</b>	<b>FVTPL</b>	<b>26,634,123,111</b>	<b>24,764,670,899</b>	<b>(1,869,452,212)</b>	<b>(1,251,014,762)</b>	<b>(618,437,450)</b>
1	Cổ phiếu niêm yết	26,623,423,111	24,764,670,899	(1,858,752,212)	(1,240,314,762)	(618,437,450)
2	Cổ phiếu hủy niêm yết	10,700,000	-	(10,700,000)	(10,700,000)	-
<b>II</b>	<b>HTM</b>	<b>75,500,000,000</b>	<b>75,500,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>	<b>160,096,871,125</b>	<b>160,096,871,125</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
		<b>262,230,994,236</b>	<b>260,361,542,024</b>	<b>(1,869,452,212)</b>	<b>(1,251,014,762)</b>	<b>(618,437,450)</b>

**18.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu**

Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Doanh thu lãi nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ	13.619.047.413	4.320.007.618
Doanh thu lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	322.896.057	17.914.434
	<b>13.941.943.470</b>	<b>4.337.922.052</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.361.632.511	2.282.873.003
- Lương và các khoản phúc lợi	2.035.633.321	1.983.145.807
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	325.999.190	299.727.196
Chi phí văn phòng phẩm	13.073.000	10.601.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	411.716.440	280.514.842
Chi phí khấu hao TSCĐ	843.290.822	896.277.630
Chi phí thuê, phí và lệ phí	10.135.784	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.061.899.950	1.362.372.569
Chi phí khác	1.025.655.133	622.573.066
	<b>5.727.403.640</b>	<b>5.458.212.110</b>

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	10.581.237.003	3.946.402.882
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(753.495.000)	(371.007.200)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	115.877.889	201.164.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>9.943.619.892</b>	<b>3.776.559.682</b>
Lỗi tính thuế mang sang	-	(3.776.559.682)
Thu nhập tính thuế	9.943.619.892	-
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.988.723.979</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2015: 22%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**21. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ. Về mặt địa lý thì Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế	8.592.513.024	3.946.402.882
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.592.513.024	3.946.402.882
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>239</b>	<b>110</b>

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trong kỳ	448,800,000	1,399,509,144

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Trong vòng một năm	897.600.000	816.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.271.600.000	748.000.000
	<b>2.169.200.000</b>	<b>1.564.000.000</b>

Tổng khoản phải trả tiền thuê của Công ty cho 400 m<sup>2</sup> ở lầu 5, Tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với phí thuê hàng tháng là 68.000.000 đồng (170.000 đồng/m<sup>2</sup>). Phụ lục hợp đồng thuê được kí cho thời hạn 3 năm bắt đầu từ ngày 05 tháng 12 năm 2015 đến ngày 01 tháng 12 năm 2018.

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công  
 Seamico Securities PLC  
 Ông Đoàn Quang Sang

**Mối quan hệ**

Cổ đông  
 Cổ đông  
 Cổ đông

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan gồm:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí hợp phải trả Seamico Securities PLC	28.929.466	37.653.871

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu khác từ ông Đoàn Quang Sang (Thuyết minh số 9)	4.000.000.000	4.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05g-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Theo đó, một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	<b>Số đã báo cáo</b>	<b>Phân loại lại</b>	<b>Số sau phân loại lại</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.451.442.050	(16.057.146.422)	80.394.295.628
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	148.765.023.061	(148.765.023.061)	-
Các khoản cho vay	-	158.960.974.667	158.960.974.667
Các khoản phải thu	-	3.805.761.145	3.805.761.145
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	-	5.932.203.379	5.932.203.379
Các khoản phải thu khác	23.933.916.130	(19.933.916.130)	4.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22.272.432.498	(16.051.580.959)	6.220.851.539
Phải trả hộ cổ tức	5.565.463	(5.565.463)	-
<b>Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ</b>			
Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoạt động môi giới chứng khoán	-	16.051.580.959	16.051.580.959
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	-	5.565.463	5.565.463
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	16.051.580.959	16.051.580.959
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	5.565.463	5.565.463
<b>Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ</b>			
Doanh thu hoạt động	14.276.247.694	(45.488.983)	14.230.758.711
Doanh thu hoạt động tài chính	-	45.488.983	45.488.983
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(26.337.972.259)	(11.920.007.460)	(38.257.979.719)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(12.580.987.137)	12.513.915.137	(67.072.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(6.348.845.933)	593.907.677	(5.754.938.256)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	61.067.768.728	(5.419.644.768)	55.648.123.960
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	54.718.922.795	(4.825.737.091)	49.893.185.704
<b>Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của khách hàng	-	(593.907.677)	(593.907.677)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	-	5.419.644.768	5.419.644.768
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	-	4.825.737.091	4.825.737.091



**Trương Gia Bảo**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 15 tháng 8 năm 2016

**Trần Thị Thúy Lan**  
**Kế toán trưởng**